

Bản án số: 57/2020/DS-PT

Ngày: 11/9/2020

V/v: “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Được

Ông Hàng Lâm Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hải Thu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hồng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/TLPT-DS ngày 25 tháng 3 năm 2020 về việc “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 61/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Cao Thị S, sinh năm 1956 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

2. Bị đơn: Ông Cao Thanh L, sinh năm 1967 (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Cao Thanh L:

- Bà Lương Thị M, sinh năm: 1964 (có mặt);

- Chị Cao Thị L1, sinh năm: 1989 (vắng mặt);

- Anh Cao Thanh L2, sinh năm: 1990 (vắng mặt);

- Chị Cao Thị T, sinh năm: 1991 (vắng mặt);

- Anh Cao Thanh T1, sinh năm: 1993 (vắng mặt);
- Chị Cao Thị V, sinh năm: 1995 (có mặt);
- Chị Cao Thị Hồng H, sinh năm: 1997 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- 3.1. Bà Cao Thị M, sinh năm: 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm: 1973 (vắng mặt);

- 3.3. Ông Cao Văn Th, sinh năm: 1970 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Số 570 Quốc lộ 55, thôn T, xã T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- 3.4. Bà Nguyễn Thị Mỹ Nh, sinh năm: 1984 (có mặt);

Địa chỉ: Khu phố 5, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

4. Người làm chứng:

- 4.1. Ông Võ T, sinh năm 1944 (có mặt);

- 4.2. Ông Phạm Th, sinh năm 1950 (có mặt);

Cùng địa chỉ: thôn H, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

5. Người kháng cáo: Bà Lương Thị M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Cao Thị S trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất 7.955m² thuộc một phần thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã An Hải, huyện Ninh Phước đang tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ bà là cụ Cao Th, cụ Nguyễn Thị C. Trước đây vào năm 2001 – 2002, bà đã khởi kiện chia di sản của cha mẹ để lại là thửa đất này với ông Cao Thanh L và Tòa án huyện Ninh Phước xét xử sơ thẩm, sau đó Tòa án tỉnh Ninh Thuận xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm đối với phần di sản thừa kế là thửa đất nêu trên. Vào năm 2016, phần diện tích đất này nằm trong phần đất được cấp cho ông Cao Thanh L, bà Lương Thị M theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số CC 935262 ngày 14/01/2016, tổng diện tích đất được cấp 14.311m², bà đã khiếu nại đến Ủy ban nhân dân (UBND) huyện Ninh Phước về việc cấp diện tích đất này cho ông L. UBND huyện Ninh Phước đã chấp nhận khiếu nại của bà theo Quyết

định giải quyết số 1233/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 với nội dung: “Công nhận một phần nội dung khiếu nại của bà Cao Thị S, bà M là đúng... Điều 2: Đưa diện tích 7.955m² ra khỏi GCNQSDĐ và đồng thời điều chỉnh lại GCNQSDĐ có số phát hành CC 935262, thửa 721, TBĐ số 12 có tổng diện tích: 14.311m² cấp ngày 14/01/2016”. Do UBND huyện Ninh Phước đã hủy GCNQSDĐ số CC 935262 ngày 14/01/2016 cấp cho ông Cao Thanh L đối với diện tích 7.955m² đang tranh chấp nên bà không yêu cầu hủy GCNQSDĐ, bà chỉ yêu cầu chia di sản thừa kế.

Cha bà Cao Th (chết năm 1998), mẹ bà Nguyễn Thị C (chết năm 1987), cha mẹ bà kết hôn và sinh được 03 người con: Cao Thị S, Cao Thanh L (chết năm 2019) và Cao Thị M. Ngoài ra, cha bà có một người con riêng tên Nguyễn Thị B (sinh năm 1951, chết cách đây hơn 10 năm), bà B không có chồng, con. Cha mẹ bà chết không có di chúc, trước khi chết cha mẹ bà không phải thực hiện nghĩa vụ gì với nhà nước, không nợ nần ai. Ông Cao Thanh L kết hôn với bà Lương Thị M sinh được 06 người con: Bà Cao Thị L1; ông Cao Thanh L2; bà Cao Thị T; ông Cao Thanh T2; bà Cao Thị V; bà Cao Thị H, cùng địa chỉ: thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bà yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với diện tích đất 7.955m² thuộc một phần thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã An Hải, huyện Ninh Phước cho 03 người thừa kế là Cao Thị S, Cao Thanh L, Cao Thị M. Bà yêu cầu nhận di sản là hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên đất.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa người thừa kế quyền và nghĩa vụ của bị đơn ông Cao Thanh L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lương Thị M trình bày:

Cha chồng bà tên Cao Th, mẹ chồng bà Nguyễn Thị C. Cha mẹ chồng bà có 03 người con chung tên Cao Thị S, Cao Thị M và Cao Thanh L (chồng bà). Cha mẹ chồng bà không có con nuôi và không có con riêng. Chồng bà đã chết ngày 04/4/2019 (âm lịch). Diện tích đất 7.955m² đang tranh chấp thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12 xã An Hải có nguồn gốc của cha, mẹ chồng bà để lại. Vào năm 1998, cha chồng bà là cụ Cao Th đã lập di chúc để lại diện tích 7.955m² này cho chồng bà, phần diện tích đất còn lại thuộc thửa đất số 721 là do vợ chồng bà khai hoang. Sau khi cha mẹ chồng bà chết, chồng bà đã sáp nhập diện tích đất khai hoang với diện tích đất cha mẹ để lại để đăng ký cấp GCNQSDĐ. Năm 2016, vợ chồng bà đã được UBND huyện Ninh Phước cấp GCNQSDĐ số CC 935262 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 721, diện tích 14.311m², tờ bản đồ số 12 xã An Hải, huyện Ninh Phước. Bà không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại Bản tự khai ngày 18/11/2019, bà Lương Thị M trình bày: Diện tích đất 7.955m² đang tranh chấp thuộc thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12 xã An Hải trong đó diện tích đất 2.955m² là của vợ chồng bà khai hoang. Vì vậy, diện tích đất cha mẹ bà để lại chỉ 5.000m². Năm 2002, bà Cao Thị S khởi kiện tranh chấp di sản thừa kế tại Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, vụ án được Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước xét xử tại Bản án dân sự sơ thẩm số 08/DS-ST ngày 29/5/2002. Sau đó, chồng bà ông Cao Thanh L kháng cáo bản án sơ thẩm, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận hủy toàn bộ bản án sơ thẩm tại bản án phúc thẩm số 16/DS-PT ngày 30/8/2002. Sau đó, chồng bà đã chia cho bà S, bà M mỗi người một phần diện tích đất thổ cư tọa lạc tại thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, các bên không còn tranh chấp gì với diện tích đất 7.955m². Năm 2016, vợ chồng bà được UBND huyện Ninh Phước cấp GCNQSDĐ số CC 935262 ngày 14/01/2016 đối với thửa đất số 721, diện tích 14.311m², tờ bản đồ số 12 xã An Hải, huyện Ninh Phước. Bà không đồng ý với Quyết định số 1233/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của UBND huyện Ninh Phước. Mẹ chồng bà Cao Thị C chết năm 1987, thời hiệu chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C được áp dụng theo Pháp lệnh thừa kế năm 1990, có hiệu lực thi hành từ ngày 10/9/1990, thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế của bà C là 10 năm kể từ ngày 10/9/1990 đến ngày 10/9/2000 là hết thời hiệu. Như vậy, việc yêu cầu chia thừa kế của bà Cao Thị S, bà Cao Thị M đối với phần di sản của bà C đã hết thời hiệu khởi kiện. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của bà C đã hết và xác định quyền thừa kế theo di chúc của cụ Cao Th đối với người được hưởng thừa kế là ông Cao Thanh L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S và bà Cao Thị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án, những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L là bà Cao Thị L1, ông Cao Thanh L2, bà Cao Thị T, ông Cao Thanh T1, bà Cao Thị V, bà Cao Thị Hồng H trình bày:

Các ông bà đồng ý với trình bày của bà Lương Thị M và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án xác định thời hiệu khởi kiện đối với phần di sản của bà Nguyễn Thị C đã hết và xác định quyền thừa kế theo di chúc của cụ Cao Th đối với người được hưởng thừa kế là ông Cao Thanh L, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S và bà Cao Thị M.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Cao Thị M trình bày:

Bà đồng ý với phần trình bày của bà Cao Thị S về nguồn gốc đất, cha mẹ, các con của cha mẹ, vợ và các con của ông Cao Thanh L. Bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S, cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Bà yêu cầu chia di sản thừa kế cha mẹ bà chết để lại là diện tích đất 7.955m² thuộc thửa

đất số 721, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã An Hải, huyện Ninh Phước cho 03 người thừa kế là Cao Thị S, Cao Thanh L, Cao Thị M. Bà yêu cầu nhận di sản bằng hiện vật và đồng ý hoàn lại giá trị cây trồng trên đất.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Nh trình bày:

Bà và chồng bà ông Cao Văn Th nhận chuyển nhượng một phần thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận của vợ chồng ông Cao Thanh L, bà Lương Thị M vào năm 2018. Việc nhận chuyển nhượng chỉ nói miệng, không lập hợp đồng, chuyển nhượng diện tích 2.000m², giá chuyển nhượng 120.000.000 đồng, các bên đã giao tiền đầy đủ. Phần đất vợ chồng bà nhận chuyển nhượng phía Bắc giáp sông Lu, Phía Nam giáp phần đất trồng táo của vợ chồng ông Cao Thanh L, bà Lương Thị M, phía Đông giáp đường đi. Hiện nay, vợ chồng bà chưa được cấp GCNQSDĐ đối với phần đất nhận chuyển nhượng. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S thì vợ chồng bà yêu cầu bà Lương Thị M phải hoàn trả cho vợ chồng bà số tiền 120.000.000 đồng đã nhận, vợ chồng bà đồng ý trả lại đất. Trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S thì vợ chồng bà sẽ tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng với bà Lương Thị M, không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với phần này.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn Th không có ý kiến trình bày.

Tại biên bản ghi lời khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mỹ Nh trình bày:

Bà là con nuôi của bà Nguyễn Thị B, mẹ bà chết năm 2010. Trước khi chết, mẹ bà không có chồng, con. Bà là con nuôi duy nhất của bà B. Mẹ của bà Nguyễn Thị B tên là Nguyễn Thị C, sinh năm 1927, chết ngày 27/5/2009. Bà Nguyễn Thị C không có chồng, bà Cường chỉ sống với ông Cao Th sinh được 01 người con là bà Nguyễn Thị B. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà có ý kiến như sau: Trường hợp Tòa án xác định mẹ bà được nhận di sản từ ông Cao Th thì bà xin nhận di sản mẹ bà để lại. Trường hợp Tòa án xác định mẹ bà không được hưởng di sản thừa kế thì bà không có ý kiến hay tranh chấp gì.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 12, Điều 100, Điều 203 Luật đất đai 2013; Điều 623, Điều 650, Điều 651, Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 25, 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Khoản 10 Nghị quyết 02/HĐTP ngày 10/9/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế.

Bà Cao Thị S được quyền sử dụng diện tích 994,3m² đất được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 9,95m; từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 37,85m; từ điểm số 3 đến điểm số 4 là 34,20m; từ điểm số 4 đến điểm số 5 là 57,16m; từ điểm số 5 đến điểm số 1 là 7,27m (thuộc thửa đất số 1325, tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ số 1360 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước).

Bà Cao Thị M được quyền sử dụng diện tích 994,3m² đất được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 57,16m; từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 13,97m; từ điểm số 3 đến điểm số 4 là 3,95m; từ điểm số 4 đến điểm số 5 là 64,76m; từ điểm số 5 đến điểm số 1 là 16,30m (thuộc thửa đất số 1326, tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ số 1361 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước).

Các ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H được quyền sử dụng diện tích 5.966,4m² đất được xác định từ điểm số 1 đến điểm số 2 là 64,76m; từ điểm số 2 đến điểm số 3 là 19,88m; từ điểm số 3 đến điểm số 4 là 8,65m; từ điểm số 4 đến điểm số 5 là 24,79m; từ điểm số 5 đến điểm số 6 là 44,94m; từ điểm số 6 đến điểm số 7 là 30,75m; từ điểm số 7 đến điểm số 8 là 19,14m; từ điểm số 8 đến điểm số 9 là 22,96m; từ điểm số 9 đến điểm số 1 là 71,19m (thuộc thửa đất số 1313, tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ số 1362 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước).

Buộc ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H, Nguyễn Thị Nh, Cao Văn Th giao trả diện tích 994,3m² thuộc thửa đất số 1325 tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ số 1360 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước cho bà Cao Thị S.

Buộc ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H, Nguyễn Thị Nh, Cao Văn Th giao trả diện tích 994,3m² thuộc thửa đất số 1326 tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận theo Trích lục bản đồ số 1361 ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước cho bà Cao Thị M.

Bà Cao Thị S, bà Cao Thị M phải cùng trả 5.190.000^d giá trị cây trồng trên đất cho ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H. Chia phần mỗi người phải trả 2.595.000^d.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, chi phí định giá, án phí, quyền và nghĩa vụ của các bên thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 09/12/2020, bà Lương Thị M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Nội dung kháng cáo: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Cao Thị S. Tại biên bản lấy lời khai ngày 13/3/2020 và biên bản lấy lời khai ngày 18/8/2020 bà Lương Thị M xác định rõ nội dung kháng cáo là kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị C đã hết để bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Thuận phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến thời điểm hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung kháng cáo của bà Lương Thị M là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Cao Thị S tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá và hoàn trả toàn bộ số tiền 5.190.000^d giá trị cây trồng trên đất được chia nên đề nghị sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bà Lương Thị M nộp trong thời hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ và được xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai lập ngày 13/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Lương Thị M thay đổi nội dung kháng cáo. Căn cứ khoản 2 Điều 284 Bộ luật Tố tụng Dân sự, việc thay đổi kháng cáo của bà M không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu nên được xem xét.

[2] Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy: Cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết “*Tranh chấp chia di sản thừa kế theo pháp luật và theo di chúc*” thuộc quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản là phù hợp pháp luật.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L có nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C đã hết, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình thu thập chứng cứ, các bên đương sự đều thống nhất về hàng thừa kế, diện thừa kế và di sản thừa kế của cụ Cao Th và cụ Nguyễn Thị C chết để lại là một phần thửa đất số 721, tờ bản đồ số 12 xã An Hải, nhưng không thống nhất được diện tích đất cụ thể. Tại phiên tòa, bà S khai diện tích đất cụ Th, cụ C chết để lại là 7.955m², trong khi bà M cho rằng diện tích đất này chỉ có 5.000m², còn lại 2.955m² là do vợ chồng bà khai hoang. Xét ngày 22/8/1998, cụ Th lập di chúc để lại cho ông Cao Thanh L diện tích đất 7.955m² thuộc thửa đất số 721 tờ bản đồ số 12, nội dung di chúc được bà M và hai người làm chứng lập di chúc là ông Th và ông T tại phiên tòa thừa nhận đúng nội dung, di chúc thể hiện diện tích đất là 7.955m². Mặt khác, theo Quyết định giải quyết khiếu nại số 1233/QĐ-UBND ngày 22/5/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Phước thì “*Diện tích đất 7.955m² loại đất trồng cây hàng năm khác có nguồn gốc do ông bà, cha mẹ của chị em bà Sinh tự lập, sử dụng và để lại trước năm 1975*”, các bên đương sự đều không khiếu nại hay khởi kiện đối với quyết định này. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất 7.955m² là di sản thừa kế do cụ Th, cụ C chết để lại và chia thừa kế đối với diện tích đất này là phù hợp.

Tại phiên tòa, bà M cho rằng cụ C chết năm 1988, tính đến nay thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của cụ C đã hết. Hội đồng xét xử xét thấy, cụ C chết vào 15/01/1988 như vậy trường hợp này xác định thời điểm mở thừa kế trước ngày 10/9/1990 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là bất động sản được thực

hiện theo quy định tại điều 36 Pháp lệnh thừa kế. Căn cứ theo điều 36 của Pháp lệnh Thừa kế năm 1990 và hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, khoản 1 Điều 623, điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Án lệ số 26/2018/AL, thì thời hiệu để người thừa kế yêu cầu chia di sản là 30 năm đối với bất động sản kể từ ngày 10/9/1990. Như vậy, trong trường hợp này thời hiệu chia di sản của cụ C cho các đồng thừa kế vẫn còn theo quy định của pháp luật. Bà S nộp đơn khởi kiện tại Tòa án vào ngày 06/12/2018 là vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các quy định về thời hiệu thừa kế để giải quyết vụ án là chính xác và chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà S về việc chia di sản thừa kế của cụ C chết để lại là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của bà M cho rằng thời hiệu yêu cầu chia di sản của cụ C đã hết là không có cơ sở để chấp nhận.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, bà Lương Thị M và bà Nguyễn Thị Nh thừa nhận năm 2018 vợ chồng bà M có chuyển nhượng cho vợ chồng bà Nguyễn Thị Nh, ông Cao Văn Th diện tích đất 2.000m² thuộc một phần thửa đất số 721 nhưng không lập giấy tờ. Hiện nay, vợ chồng bà Nh, ông Th chưa được cấp GCNQSDĐ và gia đình bà M vẫn đang trực tiếp quản lý diện tích đất này. Hội đồng xét xử xét thấy, tại giai đoạn sơ thẩm, các đương sự không có yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng nói trên và thực tế hiện nay diện tích đất này vẫn do gia đình bà Lương Thị M quản lý. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên ông Thạch, bà Nhung cùng gia đình bà M có nghĩa vụ giao trả diện tích đất 1.988,6m² cho bà Cao Thị S và Cao Thị M (bà S, bà M mỗi người nhận 994,3m²) là chưa chính xác, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại cách tuyên cho phù hợp.

[5]. Tại phiên tòa bà Cao Thị S tự nguyện hoàn trả toàn bộ giá trị tài sản 5.190.000^d trên đất được chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Cao Thanh L, đồng thời chịu toàn bộ chi phí tố tụng về thẩm định, định giá tài sản và không chia phần. Bà M và bà M không có ý kiến gì, vì vậy cần ghi nhận sự tự nguyện này của bà S.

Từ những phân tích như trên, xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lương Thị M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận, ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị S.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Lương Thị M phải chịu 300.000^d án phí dân sự phúc thẩm.

Phần bản án không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Lương Thị M là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án; Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 50/2019/DS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Căn cứ vào khoản 5 điều 26, khoản 1 điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự ; Điều 688, điều 650, điều 651, khoản 2 điều 357, khoản 2 điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 653, 655, 659 Bộ luật Dân sự 1995; Điều 25, 36 Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Khoản 10 Nghị quyết 02/HĐTP ngày 10/9/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Án lệ số 26/2018/AL; Điểm đ khoản 1 điều 12, điều 26, 27, 29 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1].Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị S đối với bị đơn ông Cao Thanh L về việc “ Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Chia cho bà Cao Thị S được quyền sử dụng diện tích 994,3m² đất được xác định bởi các mốc giới từ các điểm 1, 2,3,4,5 thuộc thửa đất số 1325 (tách từ thửa số 721) tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận .

Chia cho bà Cao Thị M được quyền sử dụng diện tích 994,3m² đất được xác định bởi các mốc giới từ các điểm 1, 2, 3, 4, 5 thuộc thửa đất số 1326 (tách từ thửa số 721) tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Chia cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L là các ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H được quyền sử dụng diện tích 5.966,4m² đất được xác định bởi các mốc giới 1, 2, 3,4, 5, 6, 7, 8, 9 thuộc thửa đất số 1313 (tách từ thửa số 721) tờ bản đồ số 12 thôn Hòa Thạnh, xã An Hải, huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận .

(Có trích lục bản đồ ngày 25/11/2019 của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận, chi nhánh Ninh Phước kèm theo).

Buộc những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L là các ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H phải có nghĩa vụ giao trả diện tích 994,3m² thuộc thửa đất số 1325 tờ bản đồ số 12 cho bà Cao Thị S; Giao trả diện tích 994,3m² thuộc thửa đất số 1326 tờ bản đồ số 12 cho bà Cao Thị M.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Cao Thị S có nghĩa vụ hoàn trả 5.190.000^d (*Năm triệu một trăm chín mươi ngàn đồng*) giá trị cây trồng trên đất cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn ông Cao Thanh L là các ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H. Đồng thời chịu toàn bộ chi phí tố tụng về thẩm định, định giá và không chia phần.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Cao Thị S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà S 1.750.000^d (*Một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0018002 ngày 16/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận.

Bà Cao Thị M phải chịu 1.914.000^d (*Một triệu chín trăm mười bốn ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các ông bà Lương Thị M, Cao Thị L, Cao Thanh L1, Cao Thị T, Cao Thanh T1, Cao Thị V, Cao Thị Hồng H phải cùng chịu 11.485.000^d (*Mười một triệu bốn trăm tám mươi lăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Chia phần mỗi người phải chịu 1.641.000^d (làm tròn số), (*Một triệu sáu trăm bốn mươi một ngàn đồng*).

Án phí dân sự phúc thẩm : Bà Lương Thị M phải chịu 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0021116 ngày 07/01/2020 của

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Phước, tỉnh Ninh Thuận. Bà M đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 11/9/2020).

Nơi nhận:

- Đương sự (2);
- VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
- TAND huyện Ninh Phước(1);
- Chi cục THADS huyện Ninh Phước(1);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Lưu hồ sơ, án văn, HC-TP (3);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Anh Trang